TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN HỚN QUẢN** **TỈNH BÌNH PHƯỚC**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc Lập – Tự Do – Hạnh Phúc**

Bản án số: 58/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 28 - 6 - 2024
V/v: Ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HỚN QUẢN, TỈNH BÌNH PHƯỚC

Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Minh Hải

*Các Hội thẩm nhân dân:*Bà Phạm Thị Thanh Hương

Ông Phạm Quốc Vượng

Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Lan– Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hớn Quản.

***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hớn Quản tham gia phiên tòa*:** Ông Dương Văn Sáu – Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 6 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hớn Quản xét xử sơ thẩm, công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 107/2024/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 5 năm 2024 về việc "Ly hôn" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 55/2024/QĐXXST- HNGĐ ngày 06/6/2024 của Tòa án nhân dân huyện Hớn Quản, tỉnh Bình Phước giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Nông Thị B, sinh năm 1990 (Vắng mặt)

Địa chỉ: Tổ A, ấp S, xã P, huyện H, tỉnh Bình Phước.

Bị đơn: Anh Bùi Văn L, sinh năm 1990 (Vắng mặt)

Địa chỉ: Tổ A, ấp S, xã P, huyện H, tỉnh Bình Phước.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, Bản tự khai ngày 07/5/2024 nguyên đơn chị Nông Thị B *trình bày*:

Chị B và anh L sau thời gian tìm hiểu thì tự nguyện về chung sống với nhau, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện H, Bình Phước năm 2012. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2023 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, anh L không quan tâm lo lắng gì

tới vợ con khiến vợ chồng thường xuyên cãi nhau, cuộc sống vợ chồng không còn hạnh phúc. Không muốn kéo dài cuộc sống căng thẳng như vậy nên chị B yêu cầu ly hôn với anh Bùi Văn L.

Quá trình chung sống, chị B và anh L có 02 con chung là Bùi Thị Trà M, sinh ngày: 02/9/2012 và Bùi Long B1, sinh ngày: 16/3/2017, nay ly hôn chị B yêu cầu được trực tiếp nuôi 02 con chung, không yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có nên không yêu cầu giải quyết.

Bị đơn anh Bùi Văn L *trình bày:*

Anh L và chị B sau thời gian tìm hiểu thì tự nguyện về chung sống với nhau từ năm 2012 có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện H, Bình Phước. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2023 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do vợ chồng bất đồng quan điểm sống khiến cả hai thường xuyên cãi nhau. Chị B yêu cầu ly hôn thì anh L đồng ý.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung Bùi Thị Trà M, sinh ngày: 02/9/2012 và Bùi Long B1, sinh ngày: 16/3/2017. Nay ly hôn anh L đồng ý giao 02 con chung cho chị B nuôi dưỡng, anh L không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có

Tại phiên toà, đại diện Viện kiểm sát phát biểu như sau:

Về tố tụng: Thẩm phán đã tuân thủ đúng quy định của Luật Tố tụng dân sự về việc thu thập chứng cứ, giải quyết vụ án từ khi nhận đơn, thụ lý vụ án đến trước khi Hội đồng xét xử mở phiên toà. Tại phiên toà, Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng quy định của Luật Tố tụng dân sự. Các đương sự đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận sự tự nguyện của các đương sự về hôn nhân, con chung, tài sản chung, nợ chung.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Chị Nông Thị B khởi kiện yêu cầu ly hôn với anh Bùi Nam L1 có nơi cư trú tại xã P, huyện H, đây là vụ án ly hôn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Hớn Quản, tỉnh Bình Phước theo khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

Chị B và anh L1 đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt, đã có đơn xin xét xử vắng mặt. Áp dụng khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt chị B, anh L1.

[2] Về nội dung: Xét yêu cầu khởi kiện của chị Nông Thị B thấy rằng:

Về quan hệ hôn nhân: theo lời khai của các bên cùng giấy chứng nhận kết hôn thì chị B và anh L1 tự nguyện chung sống với nhau, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện H, Bình Phước năm 2012. Đây là hôn nhân hợp pháp. Nguyên đơn và bị đơn đều thừa nhận do vợ chồng bất đồng quan điểm sống dẫn đến vợ chồng hay cãi nhau khiến đời sống chung không còn hạnh phúc từ năm 2023 cho đến nay. Xét thấy mâu thuẫn giữa các bên đã trầm trọng, mâu thuẫn kéo dài, cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được. Chị B yêu cầu ly hôn, anh L1 đồng ý. Đây là sự tự nguyện của các bên cần chấp nhận.

[3] Về con chung*:* Chị B và anh L1 có 02 con chung Bùi Thị Trà M, sinh ngày: 02/9/2012 và Bùi Long B1, sinh ngày: 16/3/2017. Xét thấy, chị B yêu cầu được nuôi dưỡng cả 02 con chung, cháu M và cháu B1 đều có nguyện vong được ở với chị B, anh L1 cũng đồng ý giao 02 con chung cho chị B nuôi dưỡng. Đây là sự tự nguyện của các bên, cần chấp nhận.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị B không yêu cầu nên không xem xét.

[4] Về tài sản chung: Các đương sự khai không có, không yêu cầu nên không xem xét.

[5] Về nợ chung: Các đương sự khai không có, không yêu cầu nên không xem xét.

[6] Về án phí*:* Nguyên đơn phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định.

Quan điểm của đại diện viện kiểm sát tại phiên tòa là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử, được chấp nhận.

Vì các lẽ nêu trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 228; Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 39 của Bộ luật Dân sự;

Căn cứ các Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83; 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội

2. Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Về quan hệ hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Nông Thị B2 với anh Bùi Văn L. Giấy chứng nhận kết hôn số 15/2012, quyển số 01/2021 ngày 22/02/2012 của Ủy ban nhân dân xã P, huyện H, Bình Phước không còn giá trị pháp lý khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Về con chung: Giao 02 con chung Bùi Thị Trà M, sinh ngày: 02/9/2012 và Bùi Long B1, sinh ngày: 16/3/2017 cho chị Nông Thị B trực tiếp nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị Nông Thị B không yêu cầu nên không xem xét.

Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con. Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Vì lợi ích mọi mặt của con chưa thành niên, khi người trực tiếp nuôi con không còn đủ điều kiện trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì có thể thay đổi người trực tiếp nuôi con. Khi có lý do chính đáng,người trực tiếp nuôi con có thể yêu cầu cấp dưỡng, mức cấp dưỡng có thể thay đổi.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Đương sự khai không có, không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

4. Án phí sơ thẩm: Chị Nông Thị B chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí chị B đã nộp theo biên lai thu số 0005275 ngày 07/5/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hớn Quản, tỉnh Bình Phước.

5. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bình Phước;
- VKSND huyện Hớn Quản;
- Chi cục THADS huyện Hớn Quản;
- Các đương sự;
- UBND xã Phước An
- Lưu HS;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Nguyễn Thị Minh Hải